

PHÒNG THI 1

\*Mã phòng trên Teams: CDR254\_ANH01

Ngoại ngữ: Anh văn

\*Thí sinh có mặt trước khi bắt đầu ca thi 30 phút

Ngày thi: 12/10/2025

| TT                         | Mã sinh viên | Họ và tên          |        | Ngành                       | Mã đề thi | Ký tên |
|----------------------------|--------------|--------------------|--------|-----------------------------|-----------|--------|
| Ca thi từ 7h45' đến 10h45' |              |                    |        |                             |           |        |
| 1                          | 462936       | Lưu Thị Kim        | Trang  | Luật chất lượng cao         |           |        |
| 2                          | 463114       | Ngô Tùng           | Lâm    | Luật chất lượng cao         |           |        |
| 3                          | 463210       | Lê Minh            | Đức    | Luật chất lượng cao         |           |        |
| 4                          | 472914       | Mai Thị Tâm        | Nguyên | Luật chất lượng cao         |           |        |
| 5                          | 472934       | Đặng Phương        | Anh    | Luật chất lượng cao         |           |        |
| 6                          | 473004       | Nguyễn Thị Minh    | Anh    | Luật chất lượng cao         |           |        |
| 7                          | 473018       | Phạm An            | Nguyên | Luật chất lượng cao         |           |        |
| 8                          | 473019       | Bùi Phương         | Thảo   | Luật chất lượng cao         |           |        |
| 9                          | 473034       | Nguyễn Bá Cao      | Đặng   | Luật chất lượng cao         |           |        |
| 10                         | 473108       | Đỗ Lam             | Phong  | Luật chất lượng cao         |           |        |
| 11                         | 473109       | Trần Phương        | Thảo   | Luật chất lượng cao         |           |        |
| 12                         | 473227       | Nguyễn Hùng        | Cường  | Luật chất lượng cao         |           |        |
| 13                         | 473229       | Lê Huyền           | Thương | Luật chất lượng cao         |           |        |
| 14                         | 473234       | Nguyễn Thị Tú      | Minh   | Luật chất lượng cao         |           |        |
| 15                         | 473313       | Đỗ Hoàng           | Dương  | Luật chất lượng cao         |           |        |
| 16                         | 473446       | Nguyễn Ngọc Nguyên | Bách   | Luật chất lượng cao         |           |        |
| 17                         | 473507       | Bùi Minh           | Châu   | Luật kinh tế chất lượng cao |           |        |
| 18                         | 473522       | Trần Quang         | Huy    | Luật kinh tế chất lượng cao |           |        |
| 19                         | 473539       | Trần Hoàng         | Anh    | Luật kinh tế chất lượng cao |           |        |
| 20                         | 473542       | Nguyễn Phương      | Anh    | Luật kinh tế chất lượng cao |           |        |
| 21                         | 473557       | Trần Minh          | Ngọc   | Luật kinh tế chất lượng cao |           |        |
| 22                         | 473564       | Phạm Minh          | Phương | Luật kinh tế chất lượng cao |           |        |
| 23                         | 462303       | Đàm Hiền           | Anh    | Luật Thương mại quốc tế     |           |        |
| 24                         | 462326       | Nguyễn Duy         | Hùng   | Luật Thương mại quốc tế     |           |        |
| 25                         | 462348       | Hoàng Đức          | Thịnh  | Luật Thương mại quốc tế     |           |        |
| 26                         | 462441       | Lê Thị             | Ngọc   | Luật Thương mại quốc tế     |           |        |
| 27                         | 472312       | Đàm Việt           | Khôi   | Luật Thương mại quốc tế     |           |        |
| 28                         | 472321       | Nguyễn Thị Thanh   | Bình   | Luật Thương mại quốc tế     |           |        |
| 29                         | 472324       | Dương Bá           | Phong  | Luật Thương mại quốc tế     |           |        |
| 30                         | 472363       | Nguyễn Kế          | Vũ     | Luật Thương mại quốc tế     |           |        |
| 31                         | 472418       | Bùi Thế            | Huy    | Luật Thương mại quốc tế     |           |        |
| 32                         | 472453       | Thái Lâm           | Ngọc   | Luật Thương mại quốc tế     |           |        |

| <i>TT</i> | <i>Mã sinh viên</i> | <i>Họ và tên</i> |       | <i>Ngành</i>            | <i>Mã đề thi</i> | <i>Ký tên</i> |
|-----------|---------------------|------------------|-------|-------------------------|------------------|---------------|
| 33        | 472520              | Nguyễn Khánh     | Thiện | Luật Thương mại quốc tế |                  |               |
| 34        | 472551              | Tổng Anh         | Duy   | Luật Thương mại quốc tế |                  |               |

Tổng số: ..... Thí sinh      Số thí sinh chính thức dự thi: ..... Số bài thi: ..... Số tờ: .....

Các mã sinh viên vắng thi: .....

*Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất*

**HỘI ĐỒNG THI CĐRNN**

*Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai*

PHÒNG THI 2

\*Mã phòng trên Teams: CDR254\_ANH02

Ngoại ngữ: Anh văn

\*Thí sinh có mặt trước khi bắt đầu ca thi 30 phút

Ngày thi: 12/10/2025

| TT                         | Mã sinh viên | Họ và tên          |       | Ngành             | Mã đề thi | Ký tên |
|----------------------------|--------------|--------------------|-------|-------------------|-----------|--------|
| Ca thi từ 7h45' đến 10h45' |              |                    |       |                   |           |        |
| 1                          | 462647       | Phạm Thu           | Thủy  | Ngôn ngữ Anh      |           |        |
| 2                          | 462661       | Nguyễn Khánh       | Linh  | Ngôn ngữ Anh      |           |        |
| 3                          | 472602       | Đỗ Khánh           | Huyền | Ngôn ngữ Anh      |           |        |
| 4                          | 472612       | Nguyễn Thị         | Thảo  | Ngôn ngữ Anh      |           |        |
| 5                          | 472752       | Trịnh Minh         | Hiền  | Ngôn ngữ Anh      |           |        |
| 6                          | 472755       | Nguyễn Gia         | Linh  | Ngôn ngữ Anh      |           |        |
| 7                          | 472806       | Nguyễn Thị Trúc    | Hà    | Ngôn ngữ Anh      |           |        |
| 8                          | 472811       | Ngô Thị Khánh      | Linh  | Ngôn ngữ Anh      |           |        |
| 9                          | 472818       | Nguyễn Lê Thu      | Anh   | Ngôn ngữ Anh      |           |        |
| 10                         | 472820       | Nguyễn Thị         | Lý    | Ngôn ngữ Anh      |           |        |
| 11                         | 472832       | Nguyễn Thu         | Huyền | Ngôn ngữ Anh      |           |        |
| 12                         | 472842       | Nguyễn Anh         | Tú    | Ngôn ngữ Anh      |           |        |
| 13                         | 472857       | Nguyễn Hương       | Giang | Ngôn ngữ Anh      |           |        |
| 14                         | 473136       | Nguyễn Phương      | Anh   | Ngôn ngữ Anh (N2) |           |        |
| 15                         | 450442       | Đoàn Bích          | Diệp  | Luật              |           |        |
| 16                         | 450553       | Phạm Việt          | Dũng  | Luật              |           |        |
| 17                         | 450752       | Nông Thị Diễm      | Quỳnh | Luật              |           |        |
| 18                         | 453791       | Dương Văn          | Dũng  | Luật              |           |        |
| 19                         | 4537115      | Triệu Văn          | Sơn   | Luật              |           |        |
| 20                         | 460410       | Phạm Hoàng         | Hà    | Luật              |           |        |
| 21                         | 460453       | Trần Thị Xuân      | Bích  | Luật              |           |        |
| 22                         | 460543       | Phạm Thu           | Thùy  | Luật              |           |        |
| 23                         | 460662       | Lương Duy          | Tùng  | Luật              |           |        |
| 24                         | 461318       | Nguyễn Quang       | Huy   | Luật              |           |        |
| 25                         | 461518       | Phạm Duy           | Hiển  | Luật              |           |        |
| 26                         | 461616       | Đặng Trung         | Hiếu  | Luật              |           |        |
| 27                         | 463419       | Phạm Bá            | Đạt   | Luật              |           |        |
| 28                         | 463437       | Bùi Thị Thùy       | Linh  | Luật              |           |        |
| 29                         | 463439       | Lương Nguyễn Thành | Long  | Luật              |           |        |
| 30                         | 463459       | Đào Phương         | Thảo  | Luật              |           |        |
| 31                         | 463460       | Nguyễn Thị Ngọc    | Thảo  | Luật              |           |        |
| 32                         | 463502       | Đỗ Thị Minh        | Anh   | Luật              |           |        |

| <i>TT</i> | <i>Mã sinh viên</i> | <i>Họ và tên</i> |       | <i>Ngành</i> | <i>Mã đề thi</i> | <i>Ký tên</i> |
|-----------|---------------------|------------------|-------|--------------|------------------|---------------|
| 33        | 463529              | Lê An            | Huy   | Luật         |                  |               |
| 34        | 463540              | Nguyễn Hoàng     | Long  | Luật         |                  |               |
| 35        | 470204              | Nguyễn Minh Thùy | Trang | Luật         |                  |               |
| 36        | 470230              | Đào Phương       | Thảo  | Luật         |                  |               |
| 37        | 470246              | Hoàng Minh       | Đức   | Luật         |                  |               |
| 38        | 470365              | Lê Tuấn          | Vinh  | Luật         |                  |               |
| 39        | 470368              | Nguyễn Trâm      | Anh   | Luật         |                  |               |

Tổng số: ..... Thí sinh      Số thi sinh chính thức dự thi: ..... Số bài thi: ..... Số tờ: .....  
 Các mã sinh viên vắng thi: .....

*Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất*

**HỘI ĐỒNG THI CDRNN**

*Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai*

PHÒNG THI 3

\*Mã phòng trên Teams: CDR254\_ANH03

Ngoại ngữ: Anh văn

\*Thí sinh có mặt trước khi bắt đầu ca thi 30 phút

Ngày thi: 12/10/2025

| TT                         | Mã sinh viên | Họ và tên       |       | Ngành | Mã đề thi | Ký tên |
|----------------------------|--------------|-----------------|-------|-------|-----------|--------|
| Ca thi từ 7h45' đến 10h45' |              |                 |       |       |           |        |
| 1                          | 470414       | Lê Thị Yên      | Chi   | Luật  |           |        |
| 2                          | 470512       | Nguyễn Mạnh     | Chiến | Luật  |           |        |
| 3                          | 470531       | Nguyễn Tiến     | Công  | Luật  |           |        |
| 4                          | 470551       | Đoàn            | Phi   | Luật  |           |        |
| 5                          | 470561       | Lê Quý          | Nhân  | Luật  |           |        |
| 6                          | 470622       | Võ Thu          | Thanh | Luật  |           |        |
| 7                          | 470811       | Nguyễn Lê Thảo  | Chi   | Luật  |           |        |
| 8                          | 470860       | Trần Tuấn       | Kiệt  | Luật  |           |        |
| 9                          | 470912       | Nguyễn Trúc     | Quỳnh | Luật  |           |        |
| 10                         | 470916       | Nguyễn Thùy     | Dương | Luật  |           |        |
| 11                         | 470943       | Phạm Lê Kim     | Chi   | Luật  |           |        |
| 12                         | 470944       | Lê Thị Hồng     | Nhung | Luật  |           |        |
| 13                         | 470957       | Mai Thị         | Đoan  | Luật  |           |        |
| 14                         | 471012       | Võ Hồng         | Minh  | Luật  |           |        |
| 15                         | 471013       | Phan Tuệ        | Minh  | Luật  |           |        |
| 16                         | 471015       | Vũ Vân          | Khánh | Luật  |           |        |
| 17                         | 471051       | Lê Khánh        | Vân   | Luật  |           |        |
| 18                         | 471102       | Dương Trúc      | Quỳnh | Luật  |           |        |
| 19                         | 471105       | Đậu Phương      | Uyên  | Luật  |           |        |
| 20                         | 471107       | Phí Ngọc Minh   | Tiến  | Luật  |           |        |
| 21                         | 471109       | Nguyễn Minh     | Hiếu  | Luật  |           |        |
| 22                         | 471110       | Nguyễn Nhật Mỹ  | Anh   | Luật  |           |        |
| 23                         | 471114       | Nguyễn Hà       | Anh   | Luật  |           |        |
| 24                         | 471117       | Hoàng Đình Nhật | Duy   | Luật  |           |        |
| 25                         | 471149       | Lê Phương       | Anh   | Luật  |           |        |
| 26                         | 471156       | Đào Ngọc        | Anh   | Luật  |           |        |
| 27                         | 471243       | Đặng Duy        | Hưng  | Luật  |           |        |
| 28                         | 471257       | Phùng Như Tuấn  | Kiệt  | Luật  |           |        |
| 29                         | 471302       | Nông Hoàng      | Yến   | Luật  |           |        |
| 30                         | 471321       | Cầm Thanh       | Bình  | Luật  |           |        |
| 31                         | 471344       | Nguyễn Hoàng    | Sang  | Luật  |           |        |
| 32                         | 471402       | Nguyễn Thị Minh | Châu  | Luật  |           |        |

| <i>TT</i> | <i>Mã sinh viên</i> | <i>Họ và tên</i> |        | <i>Ngành</i> | <i>Mã đề thi</i> | <i>Ký tên</i> |
|-----------|---------------------|------------------|--------|--------------|------------------|---------------|
| 33        | 471406              | Hoàng Hiền       | Phương | Luật         |                  |               |
| 34        | 471408              | Nguyễn Minh      | Ngọc   | Luật         |                  |               |
| 35        | 471418              | Trần Hoa Mai     | Linh   | Luật         |                  |               |
| 36        | 471451              | Đỗ Thị           | Trang  | Luật         |                  |               |
| 37        | 471535              | Trương Thị Bảo   | Ngọc   | Luật         |                  |               |
| 38        | 471553              | Vũ Ngọc          | Minh   | Luật         |                  |               |
| 39        | 471563              | Tổng Hữu Minh    | Khoa   | Luật         |                  |               |

Tổng số: ..... Thí sinh      Số thí sinh chính thức dự thi: ..... Số bài thi: ..... Số tờ: .....  
 Các mã sinh viên vắng thi: .....

*Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất*
**HỘI ĐỒNG THI CDRNN**

*Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai*

PHÒNG THI 4

\*Mã phòng trên Teams: CDR254\_ANH04

Ngoại ngữ: Anh văn

\*Thí sinh có mặt trước khi bắt đầu ca thi 30 phút

Ngày thi: 12/10/2025

| TT                         | Mã sinh viên | Họ và tên         |        | Ngành | Mã đề thi | Ký tên |
|----------------------------|--------------|-------------------|--------|-------|-----------|--------|
| Ca thi từ 7h45' đến 10h45' |              |                   |        |       |           |        |
| 1                          | 471623       | Trần Thùy         | Dung   | Luật  |           |        |
| 2                          | 473704       | Nguyễn Ngọc       | Anh    | Luật  |           |        |
| 3                          | 473706       | Trần Thị Thư      | Anh    | Luật  |           |        |
| 4                          | 473712       | Lê Huy Kim        | Cương  | Luật  |           |        |
| 5                          | 473717       | Đỗ Danh Trung     | Dũng   | Luật  |           |        |
| 6                          | 473735       | Phạm Thành        | Long   | Luật  |           |        |
| 7                          | 473749       | Phan Nguyễn Long  | Nhi    | Luật  |           |        |
| 8                          | 473764       | Nguyễn Thùy       | Trang  | Luật  |           |        |
| 9                          | 473829       | Nguyễn Thị Ngọc   | Hân    | Luật  |           |        |
| 10                         | 473837       | Hoàng Nguyễn Nhật | Minh   | Luật  |           |        |
| 11                         | 473842       | Tô Hải            | Nam    | Luật  |           |        |
| 12                         | 473845       | Vũ Nguyễn Khôi    | Nguyên | Luật  |           |        |
| 13                         | 473866       | Nguyễn Đức        | Trung  | Luật  |           |        |
| 14                         | 241010105    | Nguyễn Thu        | Hà     | Luật  |           |        |
| 15                         | 241010106    | Hà Thanh          | Hải    | Luật  |           |        |
| 16                         | 241010121    | Nguyễn Thị Minh   | Hồng   | Luật  |           |        |
| 17                         | 241010127    | Nguyễn Thị Lan    | Hương  | Luật  |           |        |
| 18                         | 241010139    | Nguyễn Ngọc       | Linh   | Luật  |           |        |
| 19                         | 241010176    | Nguyễn Kim        | Sơn    | Luật  |           |        |
| 20                         | 241010186    | Lê Thủy           | Tiên   | Luật  |           |        |
| 21                         | 241010189    | Nguyễn Văn        | Tiệm   | Luật  |           |        |
| 22                         | 241010193    | Trần Thu          | Trang  | Luật  |           |        |
| 23                         | 241010206    | Nguyễn Thảo       | Vân    | Luật  |           |        |
| 24                         | 241010212    | Dương Tuấn        | Anh    | Luật  |           |        |
| 25                         | 241010235    | Trần Ngọc         | Diệp   | Luật  |           |        |
| 26                         | 241010242    | Nguyễn Hải        | Đăng   | Luật  |           |        |
| 27                         | 241010248    | Nguyễn Thị Việt   | Hà     | Luật  |           |        |
| 28                         | 241010258    | Nguyễn Thị Diệu   | Hoa    | Luật  |           |        |
| 29                         | 241010267    | Trần Thanh        | Hương  | Luật  |           |        |
| 30                         | 241010280    | Đinh Thị Hồng     | Minh   | Luật  |           |        |
| 31                         | 241010283    | Nguyễn Phương Trà | My     | Luật  |           |        |
| 32                         | 241010289    | Nguyễn Long       | Nhật   | Luật  |           |        |

| <i>TT</i> | <i>Mã sinh viên</i> | <i>Họ và tên</i>  |        | <i>Ngành</i> | <i>Mã đề thi</i> | <i>Ký tên</i> |
|-----------|---------------------|-------------------|--------|--------------|------------------|---------------|
| 33        | 241010294           | Nguyễn Thị Thu    | Phương | Luật         |                  |               |
| 34        | 241010307           | Nguyễn Thị Thanh  | Thảo   | Luật         |                  |               |
| 35        | 241010310           | Đặng Thị Hà       | Thu    | Luật         |                  |               |
| 36        | 241010312           | Nguyễn Thị Phương | Thúy   | Luật         |                  |               |
| 37        | 241010340           | Nguyễn Tuấn       | Vinh   | Luật         |                  |               |
| 38        | 241010343           | Lê Hoàng          | Yến    | Luật         |                  |               |

Tổng số: ..... Thí sinh      Số thí sinh chính thức dự thi: ..... Số bài thi: ..... Số tờ: .....  
Các mã sinh viên vắng thi: .....

*Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất*
**HỘI ĐỒNG THI CDRNN**

*Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai*

## PHÒNG THI 5

\*Mã phòng trên Teams: CDR254\_ANH05

Ngoại ngữ: Anh văn

\*Thí sinh có mặt trước khi bắt đầu ca thi 30 phút

Ngày thi: 12/10/2025

| <i>TT</i>                  | <i>Mã sinh viên</i> | <i>Họ và tên</i> |       | <i>Ngành</i> | <i>Mã đề thi</i> | <i>Ký tên</i> |
|----------------------------|---------------------|------------------|-------|--------------|------------------|---------------|
| Ca thi từ 7h45' đến 10h45' |                     |                  |       |              |                  |               |
| 1                          | 241013987           | Nguyễn Xuân      | Tùng  | Luật         |                  |               |
| 2                          | 241014135           | Trần Thanh       | Hà    | Luật         |                  |               |
| 3                          | 241014140           | Phạm Thị Thu     | Hiền  | Luật         |                  |               |
| 4                          | 241014166           | Đặng Xuân        | Thành | Luật         |                  |               |
| 5                          | 241014176           | Đặng Quang       | Tú    | Luật         |                  |               |
| 6                          | 241013639           | Nguyễn Thị       | Hà    | Luật         |                  |               |
| 7                          | 241013664           | Trương Thanh     | Sơn   | Luật         |                  |               |
| 8                          | 442541              | Nguyễn Thị Minh  | Yến   | Luật Kinh tế |                  |               |
| 9                          | 461805              | Nguyễn Bảo       | Châu  | Luật Kinh tế |                  |               |
| 10                         | 461807              | Trần Phạm Thảo   | Chi   | Luật Kinh tế |                  |               |
| 11                         | 462129              | Nguyễn Thị Khánh | Linh  | Luật Kinh tế |                  |               |
| 12                         | 462140              | Nguyễn Hồng      | Quân  | Luật Kinh tế |                  |               |
| 13                         | 471712              | Bùi Dương Khánh  | Chi   | Luật Kinh tế |                  |               |
| 14                         | 471714              | Nguyễn Thúy      | Ngà   | Luật Kinh tế |                  |               |
| 15                         | 471716              | Trần Thanh       | Vân   | Luật Kinh tế |                  |               |
| 16                         | 471722              | Đặng Thùy        | Anh   | Luật Kinh tế |                  |               |
| 17                         | 471736              | Nguyễn Việt      | Vương | Luật Kinh tế |                  |               |
| 18                         | 471738              | Phan Quang       | Minh  | Luật Kinh tế |                  |               |
| 19                         | 471750              | Nguyễn Ngân      | Anh   | Luật Kinh tế |                  |               |
| 20                         | 471762              | Nguyễn Vũ Thành  | Nam   | Luật Kinh tế |                  |               |
| 21                         | 471831              | Đặng Hoàng       | Phúc  | Luật Kinh tế |                  |               |
| 22                         | 471902              | Nguyễn Ngọc      | Diệp  | Luật Kinh tế |                  |               |
| 23                         | 471907              | Lại Thị Phương   | Chi   | Luật Kinh tế |                  |               |
| 24                         | 471908              | Nguyễn Thị Thu   | Hương | Luật Kinh tế |                  |               |
| 25                         | 471912              | Nguyễn Thu       | Hiền  | Luật Kinh tế |                  |               |
| 26                         | 471922              | Lương Thị Hồng   | Ngọc  | Luật Kinh tế |                  |               |
| 27                         | 471928              | Lý Triều         | Dương | Luật Kinh tế |                  |               |
| 28                         | 472006              | Bùi Thị Huyền    | Trang | Luật Kinh tế |                  |               |
| 29                         | 472007              | Nguyễn Đức Bảo   | Duy   | Luật Kinh tế |                  |               |
| 30                         | 472213              | Đậu Quang        | Thịnh | Luật Kinh tế |                  |               |
| 31                         | 472218              | Nguyễn Thị Thùy  | Dương | Luật Kinh tế |                  |               |
| 32                         | 241070354           | Vũ Thị Vân       | Anh   | Luật Kinh tế |                  |               |

| <i>TT</i> | <i>Mã sinh viên</i> | <i>Họ và tên</i> |      | <i>Ngành</i> | <i>Mã đề thi</i> | <i>Ký tên</i> |
|-----------|---------------------|------------------|------|--------------|------------------|---------------|
| 33        | 241070375           | Lê Thị Thu       | Hằng | Luật Kinh tế |                  |               |
| 34        | 241070499           | Nguyễn Tú        | Linh | Luật Kinh tế |                  |               |
| 35        | 241070505           | Nguyễn Phương    | Mai  | Luật Kinh tế |                  |               |
| 36        | 241074035           | Quách Minh       | Hiếu | Luật Kinh tế |                  |               |
| 37        | 241074050           | Lê Ngọc          | Linh | Luật Kinh tế |                  |               |
| 38        | 241074121           | Đinh Thị         | Viên | Luật Kinh tế |                  |               |

Tổng số: ..... Thí sinh      Số thí sinh chính thức dự thi: ..... Số bài thi: ..... Số tờ: .....  
Các mã sinh viên vắng thi: .....

*Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất*
**HỘI ĐỒNG THI CDRNN**

*Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai*